CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

DANH MỤC SẢN PHẨM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF APPROVED PRODUCT

Từ ngày: 01/07/2019 Đến ngày: 01/07/2024

Loại hình công nhận: , CWA, CTA, CDA

Nhóm sản phẩm: Phương tiện chống ăn mòn

Loại sản phẩm:

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
Phương tiện chống ăn mòn/ Corrosion resistant means					
1	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint SEAFORCE SHIELD	CÔNG TY TNHH SƠN JOTUN VIỆT NAM Địa chỉ: SỐ 1 ĐƯỜNG SỐ 10, KCN SÓNG THẦN 1, DĨ AN, BÌNH DƯƠNG JOTUN PAINTS VIETNAM CO.,LTD Address: NO. 1, STREET 10, SONG THAN 1 IZ, DI AN CITY, BINH DUONG PROVINCE, VIETNAM	Kiểu/ Model: SEAFORCE SHIELD Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper Oxide (Cas No: 1317-39-1); Zineb (Cas No: 12122-67-7) Màu sắc/ Colour: Đỏ xẫm; đỏ nhạt/ Dark red; Light red	00152/19CN.WA 21/10/2019 21/10/2024 21/04/2022	CWA
2	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint SEAFORCE ACTIVE	CÔNG TY TNHH SƠN JOTUN VIỆT NAM Địa chỉ: SỐ 1 ĐƯỜNG SỐ 10, KCN SÓNG THẦN 1, DĨ AN, BÌNH DƯƠNG JOTUN PAINTS VIETNAM CO.,LTD Address: NO. 1, STREET 10, SONG THAN 1 IZ, DI AN CITY, BINH DUONG PROVINCE, VIETNAM	Kiểu/ Model: SEAFORCE ACTIVE Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper Oxide (Cas No: 1317-39-1); Zineb (Cas No: 12122-67-7); Copper Pyrithione (Cas No: 14915-37-8) Màu sắc/ Colour: Đỏ xẫm; đỏ nhạt/ Dark red; Light red	00152/19CN.WA 21/10/2019 21/10/2024 21/04/2022	CWA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
3	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint SEAFORCE ACTIVE PLUS	CÔNG TY TNHH SƠN JOTUN VIỆT NAM Địa chỉ: SỐ 1 ĐƯỜNG SỐ 10, KCN SÓNG THẦN 1, DĨ AN, BÌNH DƯƠNG JOTUN PAINTS VIETNAM CO.,LTD Address: NO. 1, STREET 10, SONG THAN 1 IZ, DI AN CITY, BINH DUONG PROVINCE, VIETNAM	Kiểu/ Model: SEAFORCE ACTIVE PLUS Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper Oxide (Cas No: 1317-39-1); Zineb (Cas No: 12122-67-7); Copper Pyrithione (Cas No: 14915-37-8) Màu sắc/ Colour: Đỏ xẫm; đỏ nhạt/ Dark red; Light red	00152/19CN.WA 21/10/2019 21/10/2024 21/04/2022	CWA
4	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint Hempel's Antifouling Olympic+ 72900	Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Địa chỉ: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Address: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor	Kiểu/ Model: Hempel's Antifouling Olympic+ 72900 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Copper (I) oxide (Cas No: 1317-39-1); Zineb (Cas No: 12122-67-7) Màu sắc/ Colour: Đỏ; Nâu / Red; Brown	00117/19CN.WA 02/12/2019 02/12/2024 02/06/2022	CWA
5	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint Hempel's Antifouling Olympic+ 72950	Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Địa chỉ: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Address: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor	Kiểu/ Model: Hempel's Antifouling Olympic+ 72950 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Copper (I) oxide (Cas No: 1317-39-1); Zineb (Cas No: 12122-67-7) Màu sắc/ Colour: Đỏ; Nâu; Đen / Red; Brown; Black	00117/19CN.WA 02/12/2019 02/12/2024 02/06/2022	CWA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
6	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint Hempel's Antifouling Olympic FB+ 7295B	Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Địa chỉ: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Address: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor	Kiểu/ Model: Hempel's Antifouling Olympic FB+ 7295B Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Copper (I) oxide (Cas No: 1317-39-1); Zineb (Cas No: 12122-67-7) Màu sắc/ Colour: Đỏ / Red	00117/19CN.WA 02/12/2019 02/12/2024 02/06/2022	CWA
7	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint Hempel's Antifouling Oceanic+ 73902	Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Địa chỉ: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Address: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor	Kiểu/ Model: Hempel's Antifouling Oceanic+ 73902 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Copper (I) oxide (Cas No: 1317-39-1); Zineb (Cas No: 12122-67-7) Màu sắc/ Colour: Đỏ; Nâu; Đen / Red; Brow; Black	00117/19CN.WA 02/12/2019 02/12/2024 02/06/2022	CWA
8	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint Hempel's Antifouling Oceanic+ 73952	Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Địa chỉ: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Address: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor	Kiểu/ Model: Hempel's Antifouling Oceanic+ 73952 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Copper (I) oxide (Cas No: 1317-39-1); Zineb (Cas No: 12122-67-7) Màu sắc/ Colour: Đỏ; Nâu; Đen / Red; Brown; Black	00117/19CN.WA 02/12/2019 02/12/2024 02/06/2022	CWA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
9	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint Hempel's Antifouling Oceanic FB+ 7395B	Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Địa chỉ: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Address: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor	Kiểu/ Model: Hempel's Antifouling Oceanic FB+ 7395B Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Copper (I) oxide (Cas No: 1317-39-1); Zineb (Cas No: 12122-67-7) Màu sắc/ Colour: Đỏ; Nâu / Red; Brown	00117/19CN.WA 02/12/2019 02/12/2024 02/06/2022	CWA
10	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint Hempel's Antifouling Globic 7000 78350	Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Địa chỉ: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Address: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor	Kiểu/ Model: Hempel's Antifouling Globic 7000 78350 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Copper (I) oxide (Cas No: 1317-39-1); Zineb (Cas No: 12122-67-7); Copper Pyrithione (Cas No: 14915-37-8) Màu sắc/ Colour: Đỏ; Nâu / Red; Brown	00117/19CN.WA 02/12/2019 02/12/2024 02/06/2022	CWA
11	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint Hempel's Antifouling Globic 9000 78900	Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Địa chỉ: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Address: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor	Kiểu/ Model: Hempel's Antifouling Globic 9000 78900 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Copper (I) oxide (Cas No: 1317-39-1); Copper Pyrithione (Cas No: 14915-37-8) Màu sắc/ Colour: Đỏ; Nâu; Đen / Red; Brown; Black	00117/19CN.WA 02/12/2019 02/12/2024 02/06/2022	CWA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
12	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint Hempel's Antifouling Globic 9000 78950	Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Địa chỉ: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Address: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor	Kiểu/ Model: Hempel's Antifouling Globic 9000 78950 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Copper (I) oxide (Cas No: 1317-39-1); Copper Pyrithione (Cas No: 14915-37-8) Màu sắc/ Colour: Đỏ; Nâu; Đen / Red; Brown; Black	00117/19CN.WA 02/12/2019 02/12/2024 02/06/2022	CWA
13	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint Hempaguard X7 89900	Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Địa chỉ: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Address: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor	Kiểu/ Model: Hempaguard X7 89900 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Copper Pyrithione (Cas No: 14915-37-8) Màu sắc/ Colour: Đỏ; Đen / Red; Black	00117/19CN.WA 02/12/2019 02/12/2024 02/06/2022	CWA
14	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint JOTO 12	CÔNG TY CỔ PHẦN L.Q JOTON Địa chỉ: Số 188 C Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh L.Q JOTON JOINT STOCK COMPANY Address: No. 188 C, Le Van Sy Street, Ward 10, Phu Nhuan District, Ho Chi Minh City	Kiểu/ Model: JOTO 12 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Copper(I) oxide (Cas No.: 1317-39-1); 4,5-Dichloro-2-octyl 2H-isothiazol-one (Cas No.: 64359-81-5) Màu sắc/ Colour: Đỏ / Red	00103/19CN.WA 12/03/2020 12/03/2025 12/09/2022	CWA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
15	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint JOTO 24	CÔNG TY CỔ PHẦN L.Q JOTON Địa chỉ: Số 188 C Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh L.Q JOTON JOINT STOCK COMPANY Address: No. 188 C, Le Van Sy Street, Ward 10, Phu Nhuan District, Ho Chi Minh City	Kiểu/ Model: JOTO 24 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Copper(I) oxide (Cas No.: 1317-39-1); 4,5-Dichloro-2-octyl 2H-isothiazol-one (Cas No.: 64359-81-5) Màu sắc/ Colour: Đỏ / Red	00103/19CN.WA 12/03/2020 12/03/2025 12/09/2022	CWA
16	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint JOTO 12	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN L.Q JOTON TẠI HẢI DƯƠNG Địa chỉ: Khu ngã ba, Xã Gia Tân, Huyện Gia Lộc, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam L.Q JOTON JSC – HAI DUONG BRANCH Address: Gia Tan Commune, Gia Loc District, Hai Duong Province, Viet Nam	Kiểu/ Model: JOTO 12 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Copper(I) oxide (Cas No.: 1317-39-1); 4,5-Dichloro-2-octyl-isothiazolone (Cas No.: 64359-81-5) Màu sắc/ Colour: Đỏ /Red	00113/19CN.WA 12/03/2020 12/03/2025 12/09/2022	CWA
17	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint JOTO 24	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN L.Q JOTON TẠI HẢI DƯƠNG Địa chỉ: Khu ngã ba, Xã Gia Tân, Huyện Gia Lộc, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam L.Q JOTON JSC – HAI DUONG BRANCH Address: Gia Tan Commune, Gia Loc District, Hai Duong Province, Viet Nam	Kiểu/ Model: JOTO 24 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Copper(I) oxide (Cas No.: 1317-39-1); 4,5-Dichloro-2-octyl 2H-isothiazol-one (Cas No.: 64359-81-5) Màu sắc/ Colour: Đỏ/ Red	00113/19CN.WA 12/03/2020 12/03/2025 12/09/2022	CWA

Số TT *No.*	Sản phẩm *Product*	Cơ sở chế tạo *Manufacturer*	Đặc tính *Spectifications*	Số GCN/ *Certificate No* Ngày cấp/ *Date of issue* Ngày hết hạn/ *Expiry Date* Ngày ĐGCK/ *Period Date*	Loại hình công nhận *Approval Mode*
18	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint A-LF-SEA 150	NIPPON PAINT MARINE COATING CO., LTD. Địa chỉ: 2-1-2, Oyodo Kita, Kita-Ku, Osaka, 531-8511, Japan NIPPON PAINT MARINE COATING CO., LTD. Address: 2-1-2, Oyodo Kita, Kita-Ku, Osaka, 531-8511, Japan	Kiểu/ Model: A-LF-SEA 150 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: The Anti-fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Cuprous oxide (CAS No. 1317-39-1) Copper, bis (1,hydroxy-2 (1H)-pyridinethionato O,S) (CAS No. 14915-37-8 Màu sắc/ Colour: Brown/Light Brown	00090/20CN.WA 01/04/2020 01/04/2025 01/10/2022	CWA
19	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint A-LF-SEA 250	NIPPON PAINT MARINE COATING CO., LTD. Địa chỉ: 2-1-2, Oyodo Kita, Kita-Ku, Osaka, 531-8511, Japan NIPPON PAINT MARINE COATING CO., LTD. Address: 2-1-2, Oyodo Kita, Kita-Ku, Osaka, 531-8511, Japan	Kiểu/ Model: A-LF-SEA 250 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Cuprous oxide (CAS No. 1317-39-1) Copper, bis (1,hydroxy-2(1H)-pyridinethionato O,S (CAS No. 14915-37-8) Màu sắc/ Colour: Brown/Light Brown	00090/20CN.WA 01/04/2020 01/04/2025 01/10/2022	CWA
20	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint A-LF-SEA 600	NIPPON PAINT MARINE COATING CO., LTD. Địa chỉ: 2-1-2, Oyodo Kita, Kita-Ku, Osaka, 531-8511, Japan NIPPON PAINT MARINE COATING CO., LTD. Address: 2-1-2, Oyodo Kita, Kita-Ku, Osaka, 531-8511, Japan	Kiểu/ Model: A-LF-SEA 600 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Cuprous oxide (CAS No. 1317-39-1) Copper, bis (1,hydroxy-2(1H)-pyridinethionato O,S (CAS No. 14915-37-8) Màu sắc/ Colour: Brown/Light Brown	00090/20CN.WA 01/04/2020 01/04/2025 01/10/2022	CWA
21	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint Sea Grandprix 880 HS	CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG Địa chỉ: Số 21 đường 208 An Đồng, An Dương, Hải Phòng HAI PHONG PAINT JOINT STOCK COMPANY Address: No.21 Line 208, An Dong, An Duong, Hai Phong City, VietNam	Kiểu/ Model: Sea Grandprix 880 HS Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Cuprous (1) oxide (Cas No.: 1317-39-1); 4,5-Dichloro-2-n-Octyl-4-isothiazolin-3-one (Cas No.: 64359-81-5) Màu sắc/ Colour: Nâu; Nâu nhạt / Brown; Light Brown	00175/20CN.WA 29/05/2020 29/05/2025 29/11/2022	CWA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
22	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint Sea Grandprix 880 HS Plus	CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG Địa chỉ: Số 21 đường 208 An Đồng, An Dương, Hải Phòng HAI PHONG PAINT JOINT STOCK COMPANY Address: No.21 Line 208, An Dong, An Duong, Hai Phong City, VietNam	Kiểu/ Model: Sea Grandprix 880 HS Plus Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Cuprous (1) oxide (Cas No.: 1317-39-1); 4,5-Dichloro-2-n-Octyl-4-isothiazolin-3-one (Cas No.: 64359-81-5) Màu sắc/ Colour: Nâu; Nâu nhạt / Brown; Light Brown	00175/20CN.WA 29/05/2020 29/05/2025 29/11/2022	CWA
23	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint A/F783	CÔNG TY TNHH KCC VIỆT NAM Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam KCC (VIETNAM) CO., LTD. Address: Long Thanh I.Z, Long Thanh Dist., Dong Nai Province, Vietnam	Kiểu/ Model: A/F783 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper oxide (Cas No.: 1317-39-1);); [[1,2-Ethanediylbis[carbamodithioato]](2-)] zinc (Cas No.: 12122-67-7) Màu sắc/ Colour: Nâu đỏ; Nâu đậm/ Red Brown; Dark Brown	00258/20CN.WA 03/08/2020 03/08/2025 03/02/2023	CWA
24	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint A/F7830	CÔNG TY TNHH KCC VIỆT NAM Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam KCC (VIETNAM) CO., LTD. Address: Long Thanh I.Z, Long Thanh Dist., Dong Nai Province, Vietnam	Kiểu/ Model: A/F7830 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper Oxide (Cas No.: 1317-39-1); [[1,2-Ethanediylbis[carbamodithioato]](2-)] zinc (Cas No.: 12122-67-7) Màu sắc/ Colour: Nâu đỏ; Nâu đậm/ Red Brown; Dark Brown	00258/20CN.WA 03/08/2020 03/08/2025 03/02/2023	CWA

Số TT *No.*	Sản phẩm *Product*	Cơ sở chế tạo *Manufacturer*	Đặc tính *Spectifications*	Số GCN/ *Certificate No* Ngày cấp/ *Date of issue* Ngày hết hạn/ *Expiry Date* Ngày ĐGCK/ *Period Date*	Loại hình công nhận *Approval Mode*
25	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint A/F700	CÔNG TY TNHH KCC VIỆT NAM Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Thành, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam KCC (VIETNAM) CO., LTD. Address: Long Thanh I.Z, Long Thanh Dist., Dong Nai Province, Vietnam	Kiểu/ Model: A/F700 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper Oxide (Cas No.: 1317-39-1) Màu sắc/ Colour: Nâu đỏ; Nâu đậm/ Red Brown; Dark Brown	00258/20CN.WA 03/08/2020 03/08/2025 03/02/2023	CWA
26	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint HF 557	CÔNG TY TNHH SƠN HẢI VÂN Địa chỉ: 45/5 Phạm Viết Chánh, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh HAI VAN PAINT CO.,LTD Address: 45/5 Pham Viet Chanh, Nguyen Cu Trinh Ward, Dist.1, Ho Chi Minh City	Kiểu/ Model: HF 557 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper oxide (CAS No.: 1317-39-1) Màu sắc/ Colour: Đỏ / Red	00200/20CN.WA 03/08/2020 03/08/2025 03/02/2023	CWA
27	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint AF Guard Dark Red	CÔNG TY TNHH SƠN JOTUN VIỆT NAM Địa chỉ: SỐ 1 ĐƯỜNG SỐ 10, KCN SÓNG THẦN 1, DĨ AN, BÌNH DƯƠNG JOTUN PAINTS VIETNAM CO.,LTD Address: NO. 1, STREET 10, SONG THAN 1 IZ, DI AN CITY, BINH DUONG PROVINCE, VIETNAM	Kiểu/ Model: AF Guard Dark Red Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper Oxide (CAS: 1317-39-1); Zineb (CAS: 12122-67-7) Màu sắc/ Colour: Đỏ xẫm / Dark Red	00335/20CN.WA 23/12/2020 23/12/2025 23/06/2023	CWA
28	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint AF Guard Light Red	CÔNG TY TNHH SƠN JOTUN VIỆT NAM Địa chỉ: SỐ 1 ĐƯỜNG SỐ 10, KCN SÓNG THẦN 1, DĨ AN, BÌNH DƯƠNG JOTUN PAINTS VIETNAM CO.,LTD Address: NO. 1, STREET 10, SONG THAN 1 IZ, DI AN CITY, BINH DUONG PROVINCE, VIETNAM	Kiểu/ Model: AF Guard Light Red Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper Oxide (CAS: 1317-39-1); Zineb (CAS: 12122-67-7) Màu sắc/ Colour: Đỏ nhạt / Light Red	00335/20CN.WA 23/12/2020 23/12/2025 23/06/2023	CWA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
29	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint Hempel's Antifouling Olympic Protect 7195W	CÔNG TY TNHH HEMPEL VIỆT NAM Địa chỉ: Số 30 & 31, Đường số 7, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai HEMPEL VIET NAM CO.,LTD Address: No 30 & 31, Street 7, Long Thanh IZ, Tam An Ward, Long Thanh District, Dong Nai Province, Viet Nam	Kiểu/ Model: Hempel's Antifouling Olympic Protect 7195W Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc / The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Copper (I) oxide (Cas No.:1317-39-1); Zinc ethylene-1,2-bis-dithiocarbamate (zineb) (Cas No.:12122-67-7) Màu sắc/ Colour: Đỏ; Nâu / Red; Brown.	00562/21CN.WA 12/08/2021 12/08/2026 12/02/2024	CWA
30	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint Hempel's Antifouling Olympic Flex+ 7290W	CÔNG TY TNHH HEMPEL VIỆT NAM Địa chỉ: Số 30 & 31, Đường số 7, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai HEMPEL VIET NAM CO.,LTD Address: No 30 & 31, Street 7, Long Thanh IZ, Tam An Ward, Long Thanh District, Dong Nai Province, Viet Nam	Kiểu/ Model: Hempel's Antifouling Olympic Flex+ 7290W Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc / The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Copper (I) oxide (Cas No.:1317-39-1); Zinc ethylene-1,2-bis-dithiocarbamate (zineb) (Cas No.:12122-67-7) Màu sắc/ Colour: Đỏ; Nâu / Red; Brown.	00562/21CN.WA 12/08/2021 12/08/2026 12/02/2024	CWA
31	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint Hempel's Antifouling Olympic Protect+ 7295W	CÔNG TY TNHH HEMPEL VIỆT NAM Địa chỉ: Số 30 & 31, Đường số 7, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai HEMPEL VIET NAM CO.,LTD Address: No 30 & 31, Street 7, Long Thanh IZ, Tam An Ward, Long Thanh District, Dong Nai Province, Viet Nam	Kiểu/ Model: Hempel's Antifouling Olympic Protect+ 7295W Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc / The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Copper (I) oxide (Cas No.:1317-39-1); Zinc ethylene-1,2-bis-dithiocarbamate (zineb) (Cas No.:12122-67-7) Màu sắc/ Colour: Đỏ; Nâu / Red; Brown.	00562/21CN.WA 12/08/2021 12/08/2026 12/02/2024	CWA

Số TT *No.*	Sản phẩm *Product*	Cơ sở chế tạo *Manufacturer*	Đặc tính *Spectifications*	Số GCN/ *Certificate No* Ngày cấp/ *Date of issue* Ngày hết hạn/ *Expiry Date* Ngày ĐGCK/ *Period Date*	Loại hình công nhận *Approval Mode*
32	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint Hempel's Antifouling Oceanic Flex+ 7390W	CÔNG TY TNHH HEMPEL VIỆT NAM Địa chỉ: Số 30 & 31, Đường số 7, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai HEMPEL VIET NAM CO.,LTD Address: No 30 & 31, Street 7, Long Thanh IZ, Tam An Ward, Long Thanh District, Dong Nai Province, Viet Nam	Kiểu/ Model: Hempel's Antifouling Oceanic Flex+ 7390W Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc / The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Copper (I) oxide (Cas No.:1317-39-1); Zinc ethylene-1,2-bis-dithiocarbamate (zineb) (Cas No.:12122-67-7) Màu sắc/ Colour: Đỏ; Nâu / Red; Brown.	00562/21CN.WA 12/08/2021 12/08/2026 12/02/2024	CWA
33	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint Hempel's Antifouling Oceanic Protect+ 7395W	CÔNG TY TNHH HEMPEL VIỆT NAM Địa chỉ: Số 30 & 31, Đường số 7, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai HEMPEL VIET NAM CO.,LTD Address: No 30 & 31, Street 7, Long Thanh IZ, Tam An Ward, Long Thanh District, Dong Nai Province, Viet Nam	Kiểu/ Model: Hempel's Antifouling Oceanic Protect+ 7395W Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc / The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Copper (I) oxide (Cas No.:1317-39-1); Zinc ethylene-1,2-bis-dithiocarbamate (zineb) (Cas No.:12122-67-7) Màu sắc/ Colour: Đỏ; Nâu / Red; Brown.	00562/21CN.WA 12/08/2021 12/08/2026 12/02/2024	CWA
34	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint BIOFLEX 800	Nippon Paint Marine (Singapore) Pte Ltd Địa chỉ: 1 First Lok Yang Road Jurong, 629728 Singapore, Singapore Nippon Paint Marine (Singapore) Pte Ltd Address: 1 First Lok Yang Road Jurong, 629728 Singapore, Singapore	Kiểu/ Model: BIOFLEX 800 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Cuprous oxide (Cas No. 1317-39-1); Diuron (3-(3,4-Dichlorophenyl)-1,1-dimethylurea): (Cas No. 330-54-1) Màu sắc/ Colour: Brown C; Dark Brown C; Red Brown C; Brown D; Dark Brown D; Red Brown D.	00766/21CN01.WA 20/10/2021 20/10/2026 20/04/2024	CWA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
35	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint ECOLOFLEX SPC 150 HyB	Nippon Paint Marine (Singapore) Pte Ltd Địa chỉ: 1 First Lok Yang Road Jurong, 629728 Singapore, Singapore Nippon Paint Marine (Singapore) Pte Ltd Address: 1 First Lok Yang Road Jurong, 629728 Singapore, Singapore	Kiểu/ Model: ECOLOFLEX SPC 150 HyB Đặc tính của sản phẩm/ Product description: The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Cuprous oxide: (Cas No. 1317-39-1); Copper, bis (1, hydroxy-2 (1H)-pyridinethionato O, S): (Cas No. 14915-37-8) Màu sắc/ Colour: Brown; Brown B; Brown C; Light Brown; Light Brown B; Light Brown C.	00766/21CN01.WA 20/10/2021 20/10/2026 20/04/2024	CWA
36	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint ECOLOFLEX SPC 200	Nippon Paint Marine (Singapore) Pte Ltd Địa chỉ: 1 First Lok Yang Road Jurong, 629728 Singapore, Singapore Nippon Paint Marine (Singapore) Pte Ltd Address: 1 First Lok Yang Road Jurong, 629728 Singapore, Singapore	Kiểu/ Model: ECOLOFLEX SPC 200 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Cuprous oxide: (Cas No. 1317-39-1); Copper, bis (1, hydroxy-2(1H)-pyridinethionato O, S): (Cas No. 14915-37-8) Màu sắc/ Colour: Brown Z; Light Brown Z; Chocolat K; Light Brown K.	00766/21CN01.WA 20/10/2021 20/10/2026 20/04/2024	CWA
37	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint ALF SEA 150	Nippon Paint Marine (Singapore) Pte Ltd Địa chỉ: 1 First Lok Yang Road Jurong, 629728 Singapore, Singapore Nippon Paint Marine (Singapore) Pte Ltd Address: 1 First Lok Yang Road Jurong, 629728 Singapore, Singapore	Kiểu/ Model: ALF SEA 150 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Cuprous Oxide (Cas No. 1317-39-1); Copper pyrithione (Cas No. 14915-37-8) Màu sắc/ Colour: Brown; Light Brown	00766/21CN01.WA 20/10/2021 20/10/2026 20/04/2024	CWA

Số TT *No.*	Sản phẩm *Product*	Cơ sở chế tạo *Manufacturer*	Đặc tính *Spectifications*	Số GCN/ *Certificate No* Ngày cấp/ *Date of issue* Ngày hết hạn/ *Expiry Date* Ngày ĐGCK/ *Period Date*	Loại hình công nhận *Approval Mode*
38	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint ALF SEA 250	Nippon Paint Marine (Singapore) Pte Ltd Địa chỉ: 1 First Lok Yang Road Jurong, 629728 Singapore, Singapore Nippon Paint Marine (Singapore) Pte Ltd Address: 1 First Lok Yang Road Jurong, 629728 Singapore, Singapore	Kiểu/ Model: ALF SEA 250 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Cuprous Oxide (Cas No. 1317-39-1); Copper pyrithione (Cas No. 14915-37-8) Màu sắc/ Colour: Brown; Ligth Brown	00766/21CN01.WA 20/10/2021 20/10/2026 20/04/2024	CWA
39	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint ALF SEA 600	Nippon Paint Marine (Singapore) Pte Ltd Địa chỉ: 1 First Lok Yang Road Jurong, 629728 Singapore, Singapore Nippon Paint Marine (Singapore) Pte Ltd Address: 1 First Lok Yang Road Jurong, 629728 Singapore, Singapore	Kiểu/ Model: ALF SEA 600 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Cuprous Oxide (Cas No. 1317-39-1); Copper pyrithione (Cas No. 14915-37-8) Màu sắc/ Colour: Brown; Light Brown	00766/21CN01.WA 20/10/2021 20/10/2026 20/04/2024	CWA
40	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint Sigma Sailadvance GX	PT. PPG Coatings Indonesia Địa chỉ: KAWASAN INDUSTRI PULOGADUNG JL RAWAGELAM III NO. 1, JAKARTA 13930, INDONESIA. PT. PPG Coatings Indonesia Address: KAWASAN INDUSTRI PULOGADUNG JL RAWAGELAM III NO. 1, JAKARTA 13930, INDONESIA.	Kiểu/ Model: Sigma Sailadvance GX Đặc tính của sản phẩm/ Product description: The Anti-fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper oxide (CAS. No. 1317-39-1); Zineb (CAS. No. 12122-67-7); Copper (II) oxide (CAS. No. 1317-38-0) Màu sắc/ Colour: Redbrown, Brown	00784/21CN01.WA 25/11/2021 25/11/2026 25/05/2024	CWA

Số TT *No.*	Sản phẩm *Product*	Cơ sở chế tạo *Manufacturer*	Đặc tính *Spectifications*	Số GCN/ *Certificate No* Ngày cấp/ *Date of issue* Ngày hết hạn/ *Expiry Date* Ngày ĐGCK/ *Period Date*	Loại hình công nhận *Approval Mode*
41	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint Sigma Ecofleet 270	PT. PPG Coatings Indonesia Địa chỉ: KAWASAN INDUSTRI PULOGADUNG JL RAWAGELAM III NO. 1, JAKARTA 13930, INDONESIA. PT. PPG Coatings Indonesia Address: KAWASAN INDUSTRI PULOGADUNG JL RAWAGELAM III NO. 1, JAKARTA 13930, INDONESIA.	Kiểu/ Model: Sigma Ecofleet 270 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: The Anti-fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper oxide (CAS. No. 1317-39-1); Zinc oxide (CAS. No. 1314-13-2); Copper oxide (CAS. No. 1317-38-0) Màu sắc/ Colour: Redbrown, Brown	00784/21CN01.WA 25/11/2021 25/11/2026 25/05/2024	CWA
42	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint Sigma Ecofleet 690	PT. PPG Coatings Indonesia Địa chỉ: KAWASAN INDUSTRI PULOGADUNG JL RAWAGELAM III NO. 1, JAKARTA 13930, INDONESIA. PT. PPG Coatings Indonesia Address: KAWASAN INDUSTRI PULOGADUNG JL RAWAGELAM III NO. 1, JAKARTA 13930, INDONESIA.	Kiểu/ Model: Sigma Ecofleet 690 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: The Anti-fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper oxide (CAS. No. 1317-39-1); Zined (CAS. No. 12122-67-7); Copper (II) oxide (CAS. No. 1317-38-0) Màu sắc/ Colour: Redbrown, Brown	00784/21CN01.WA 25/11/2021 25/11/2026 25/05/2024	CWA
43	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint FASTAR I	NIPPON PAINT MARINE COATING CO., LTD. Địa chỉ: 2-1-2, Oyodo Kita, Kita-Ku, Osaka, 531-8511, Japan NIPPON PAINT MARINE COATING CO., LTD. Address: 2-1-2, Oyodo Kita, Kita-Ku, Osaka, 531-8511, Japan	Kiểu/ Model: FASTAR I Đặc tính của sản phẩm/ Product description: The Anti-fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper oxide (CAS No. 1317-39-1); bis (1-hydroxy-1H-pyridine-2-thionato- O,S) copper (CAS No. 14915-37-8) Màu sắc/ Colour: Red Brown, Dark Brown	00116/22CN.WA 04/03/2022 04/03/2027 04/09/2024	CWA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
44	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint FASTAR XI	NIPPON PAINT MARINE COATING CO., LTD. Địa chỉ: 2-1-2, Oyodo Kita, Kita-Ku, Osaka, 531-8511, Japan NIPPON PAINT MARINE COATING CO., LTD. Address: 2-1-2, Oyodo Kita, Kita-Ku, Osaka, 531-8511, Japan	Kiểu/ Model: FASTAR XI Đặc tính của sản phẩm/ Product description: The Anti-fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper oxide (CAS No. 1317-39-1); bis (1-hydroxy-1H-pyridine-2-thionato-O,S) copper (CAS No. 14915-37-8) Màu sắc/ Colour: Red Brown, Dark Brown	00116/22CN.WA 04/03/2022 04/03/2027 04/09/2024	CWA
45	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint FASTAR XII	NIPPON PAINT MARINE COATING CO., LTD. Địa chỉ: 2-1-2, Oyodo Kita, Kita-Ku, Osaka, 531-8511, Japan NIPPON PAINT MARINE COATING CO., LTD. Address: 2-1-2, Oyodo Kita, Kita-Ku, Osaka, 531-8511, Japan	Kiểu/ Model: FASTAR XII Đặc tính của sản phẩm/ Product description: The Anti-fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper oxide (CAS No. 1317-39-1); bis (1-hydroxy-1H-pyridine-2-thionato-O,S) copper (CAS No. 14915-37-8) Màu sắc/ Colour: Red Brown, Dark Brown	00116/22CN.WA 04/03/2022 04/03/2027 04/09/2024	CWA
46	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint SA-H	Công ty TNHH Thương mại và sản xuất sơn Anh Địa chỉ: Số 73, ngõ 69 A, Hoàng Văn Thái, P. Khương Mai, Q. Thanh Xuân, Hà Nội British Paint Production And Trading Co.,Ltd Address: No.73,Lane 69, Hoang Van Thai Str., Khuong Mai Ward,Thanh Xuan Dist., HaNoi	Kiểu/ Model: SA-H Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Copper(I) oxide (Cas No.: 1317-39-1) Màu sắc/ Colour: Nâu đỏ / Red brown	00145/21CN01.WA 13/04/2022 13/04/2027 13/10/2024	CWA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
47	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint FASTAR I	Nippon Paint Marine (Singapore) Pte Ltd Địa chỉ: 1 First Lok Yang Road Jurong, 629728 Singapore, Singapore Nippon Paint Marine (Singapore) Pte Ltd Address: 1 First Lok Yang Road Jurong, 629728 Singapore, Singapore	Kiểu/ Model: FASTAR I Đặc tính của sản phẩm/ Product description: The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper Oxide (CAS No. 1317-39-1); Bis (1-hydroxy-1H-pyridine-2-thionato-O,S) copper (CAS No. 14915-37-8) Màu sắc/ Colour: Dark Brown, Red Brown	00321/22CN.WA 10/05/2022 10/05/2027 10/11/2024	CWA
48	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint FASTAR II	Nippon Paint Marine (Singapore) Pte Ltd Địa chỉ: 1 First Lok Yang Road Jurong, 629728 Singapore, Singapore Nippon Paint Marine (Singapore) Pte Ltd Address: 1 First Lok Yang Road Jurong, 629728 Singapore, Singapore	Kiểu/ Model: FASTAR II Đặc tính của sản phẩm/ Product description: The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper Oxide (CAS No. 1317-39-1); Bis (1-hydroxy-1H-pyridine-2-thionato-O,S) copper (CAS No. 14915-37-8) Màu sắc/ Colour: Dark Brown, Red Brown	00321/22CN.WA 10/05/2022 10/05/2027 10/11/2024	CWA
49	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint FASTAR XI	Nippon Paint Marine (Singapore) Pte Ltd Địa chỉ: 1 First Lok Yang Road Jurong, 629728 Singapore, Singapore Nippon Paint Marine (Singapore) Pte Ltd Address: 1 First Lok Yang Road Jurong, 629728 Singapore, Singapore	Kiểu/ Model: FASTAR XI Đặc tính của sản phẩm/ Product description: The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper Oxide (CAS No. 1317-39-1); Bis (1-hydroxy-1H-pyridine-2-thionato-O,S) copper (CAS No. 14915-37-8) Màu sắc/ Colour: Dark Brown, Red Brown	00321/22CN.WA 10/05/2022 10/05/2027 10/11/2024	CWA

Số TT *No.*	Sản phẩm *Product*	Cơ sở chế tạo *Manufacturer*	Đặc tính *Spectifications*	Số GCN/ *Certificate No* Ngày cấp/ *Date of issue* Ngày hết hạn/ *Expiry Date* Ngày ĐGCK/ *Period Date*	Loại hình công nhận *Approval Mode*
50	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint FASTAR XII	Nippon Paint Marine (Singapore) Pte Ltd Địa chỉ: 1 First Lok Yang Road Jurong, 629728 Singapore, Singapore Nippon Paint Marine (Singapore) Pte Ltd Address: 1 First Lok Yang Road Jurong, 629728 Singapore, Singapore	Kiểu/ Model: FASTAR XII Đặc tính của sản phẩm/ Product description: The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper Oxide (CAS No. 1317-39-1); Bis (1-hydroxy-1H-pyridine-2-thionato-O,S) copper (CAS No. 14915-37-8) Màu sắc/ Colour: Dark Brown, Red Brown	00321/22CN.WA 10/05/2022 10/05/2027 10/11/2024	CWA
51	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint AF Max Guard Dark Red	CÔNG TY TNHH SƠN JOTUN VIỆT NAM Địa chỉ: SỐ 1 ĐƯỜNG SỐ 10, KCN SÓNG THẦN 1, DĨ AN, BÌNH DƯƠNG JOTUN PAINTS VIETNAM CO.,LTD Address: NO. 1, STREET 10, SONG THAN 1 IZ, DI AN CITY, BINH DUONG PROVINCE, VIETNAM	Kiểu/ Model: AF Max Guard Dark Red Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper Oxide (CAS No.: 1317-39-1); Zineb (CAS Cas No.: 12122-67-7) Màu sắc/ Colour: Đỏ xẫm / Dark red	00401/21CN01.WA 20/05/2022 20/05/2027 20/11/2024	CWA
52	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint AF Max Guard Light Red	CÔNG TY TNHH SƠN JOTUN VIỆT NAM Địa chỉ: SỐ 1 ĐƯỜNG SỐ 10, KCN SÓNG THẦN 1, DĨ AN, BÌNH DƯƠNG JOTUN PAINTS VIETNAM CO.,LTD Address: NO. 1, STREET 10, SONG THAN 1 IZ, DI AN CITY, BINH DUONG PROVINCE, VIETNAM	Kiểu/ Model: AF Max Guard Light Red Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper Oxide (CAS No.: 1317-39-1); Zineb (CAS Cas No.: 12122-67-7) Màu sắc/ Colour: Đỏ nhạt / Light red	00401/21CN01.WA 20/05/2022 20/05/2027 20/11/2024	CWA

Số TT *No.*	Sản phẩm *Product*	Cơ sở chế tạo *Manufacturer*	Đặc tính *Spectifications*	Số GCN/ *Certificate No* Ngày cấp/ *Date of issue* Ngày hết hạn/ *Expiry Date* Ngày ĐGCK/ *Period Date*	Loại hình công nhận *Approval Mode*
53	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint AF3557	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SƠN HẢI ÂU Địa chỉ: KP 7, Phường Long Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai HAI AU PAINT ONE MEMBER LIMITED LIABILITY COMPANY Address: Quarter 7, Long Binh Ward, Bien hoa City, Dong Nai Province	Kiểu/ Model: AF3557 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper Oxide (CAS No.: 1317-39-1); Copper pyrithione (CAS No.:14915-37-8) Màu sắc/ Colour: Nâu đỏ / Red brow	00240/22CN01.WA 20/06/2022 20/06/2027 20/12/2024	CWA
54	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint AF4558	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SƠN HẢI ÂU Địa chỉ: KP 7, Phường Long Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai HAI AU PAINT ONE MEMBER LIMITED LIABILITY COMPANY Address: Quarter 7, Long Binh Ward, Bien hoa City, Dong Nai Province	Kiểu/ Model: AF4558 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper Oxide (CAS No.: 1317-39-1); Copper Pyrithione (CAS No.:14915-37-8) Màu sắc/ Colour: Nâu đỏ / Red brown	00240/22CN01.WA 20/06/2022 20/06/2027 20/12/2024	CWA
55	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint RP3	CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG Địa chỉ: Số 21 đường 208 An Đồng, An Dương, Hải Phòng HAI PHONG PAINT JOINT STOCK COMPANY Address: No.21 Line 208, An Dong, An Duong, Hai Phong City, VietNam	Kiểu/ Model: RP3 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Copper(I) Oxide (Cas No.: 1317-39-1) Màu sắc/ Colour: Nâu đỏ/ Red Brown	00062/21CN.WA 30/03/2021 30/03/2026 30/09/2023	CWA
56	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint SEA GRANDPRIX 220 HS	CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG Địa chỉ: Số 21 đường 208 An Đồng, An Dương, Hải Phòng HAI PHONG PAINT JOINT STOCK COMPANY Address: No.21 Line 208, An Dong, An Duong, Hai Phong City, VietNam	Kiểu/ Model: SEA GRANDPRIX 220 HS Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Copper(I) Oxide (Cas No.: 1317-39-1) Màu sắc/ Colour: Nâu; Nâu nhạt / Brown; Light Brown	00062/21CN.WA 30/03/2021 30/03/2026 30/09/2023	CWA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
57	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint SEA GRANDPRIX 660 HS	CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG Địa chỉ: Số 21 đường 208 An Đồng, An Dương, Hải Phòng HAI PHONG PAINT JOINT STOCK COMPANY Address: No.21 Line 208, An Dong, An Duong, Hai Phong City, VietNam	Kiểu/ Model: SEA GRANDPRIX 660 HS Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Copper(I) Oxide (Cas No.: 1317-39-1); 4,5-Dichloro-2-n-octyl-4-isothiazolin-3-one (Cas No.: 64359-81-5) Màu sắc/ Colour: Nâu; Nâu nhạt / Brown; Light Brown	00062/21CN.WA 30/03/2021 30/03/2026 30/09/2023	CWA
58	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint INTERSPEED 5100	CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM Địa chỉ: Lô E-1-CN, KCN Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Bình Dương AKZO NOBEL VIETNAM LTD Address: Lot E-1-CN, My Phuoc II Industrial Park, Mỹ Phuoc ward, Ben Cat town, Binh Duong	Kiểu/ Model: INTERSPEED 5100 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper Oxide (CAS No.: 1317-39-1); Zineb (CAS No.: 12122-67-7); Copper oxide (CAS No.:1317-38-0) Màu sắc/ Colour: Đỏ / Red	01000/21CN02.WA 29/06/2022 29/06/2027 29/12/2024	CWA
59	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint INTERSPEED 6200	CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM Địa chỉ: Lô E-1-CN, KCN Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Bình Dương AKZO NOBEL VIETNAM LTD Address: Lot E-1-CN, My Phuoc II Industrial Park, Mỹ Phuoc ward, Ben Cat town, Binh Duong	Kiểu/ Model: INTERSPEED 6200 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper Oxide (CAS No.: 1317-39-1); Zineb (CAS No.: 12122-67-7); Copper oxide (CAS No.: 1317-38-0) Màu sắc/ Colour: Đỏ; Nâu/ Red; Brown	01000/21CN02.WA 29/06/2022 29/06/2027 29/12/2024	CWA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
60	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint INTERSWIFT 6600	CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM Địa chỉ: Lô E-1-CN, KCN Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Bình Dương AKZO NOBEL VIETNAM LTD Address: Lot E-1-CN, My Phuoc II Industrial Park, Mỹ Phuoc ward, Ben Cat town, Binh Duong	Kiểu/ Model: INTERSWIFT 6600 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper Oxide (CAS No.: 1317-39-1); Zineb (CAS No.: 12122-67-7); Copper oxide (CAS No.: 1317-38-0) Màu sắc/ Colour: Đỏ; Nâu/ Red; Brown	01000/21CN02.WA 29/06/2022 29/06/2027 29/12/2024	CWA
61	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint INTERSWIFT 6800HS	CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM Địa chỉ: Lô E-1-CN, KCN Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Bình Dương AKZO NOBEL VIETNAM LTD Address: Lot E-1-CN, My Phuoc II Industrial Park, Mỹ Phuoc ward, Ben Cat town, Binh Duong	Kiểu/ Model: INTERSWIFT 6800HS Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper Oxide (CAS No.:1317-39-1); Zineb (CAS No.: 12122-67-7); Copper pyrithione (CAS No.:14915-37-8); Copper oxide (CAS No.:1317-38-0) Màu sắc/ Colour: Đỏ; đen; nâu/ Red; Black; Brown	01000/21CN02.WA 29/06/2022 29/06/2027 29/12/2024	CWA
62	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint INTERCEPT 7000	CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM Địa chỉ: Lô E-1-CN, KCN Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Bình Dương AKZO NOBEL VIETNAM LTD Address: Lot E-1-CN, My Phuoc II Industrial Park, Mỹ Phuoc ward, Ben Cat town, Binh Duong	Kiểu/ Model: INTERCEPT 7000 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper Oxide (CAS No.: 1317-39-1); Copper oxide (CAS No.: 1317-38-0); Copper pyrithione (CAS No.14915-37-8) Màu sắc/ Colour: Đỏ; Nâu/ Red; Brown	01000/21CN02.WA 29/06/2022 29/06/2027 29/12/2024	CWA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
63	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint INTERSMOOTH 7465HS SPC	CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM Địa chỉ: Lô E-1-CN, KCN Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Bình Dương AKZO NOBEL VIETNAM LTD Address: Lot E-1-CN, My Phuoc II Industrial Park, Mỹ Phuoc ward, Ben Cat town, Binh Duong	Kiểu/ Model: INTERSMOOTH 7465HS SPC Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper oxide (CAS No.: 1317-39-1); Copper (CAS No.:7440-50-8); Copper pyrithione (CAS No.:14915-37-8); Copper oxide (CAS No.:1317-38-0) Màu sắc/ Colour: Nâu / Brown	01000/21CN02.WA 29/06/2022 29/06/2027 29/12/2024	CWA
64	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint INTERSMOOTH 7200Si SPC	CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM Địa chỉ: Lô E-1-CN, KCN Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Bình Dương AKZO NOBEL VIETNAM LTD Address: Lot E-1-CN, My Phuoc II Industrial Park, Mỹ Phuoc ward, Ben Cat town, Binh Duong	Kiểu/ Model: INTERSMOOTH 7200Si SPC Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Zineb (CAS No.: 0012122-67-7); Copper pyrithione (CAS No.: 0014915-37-8); Copper oxide (CAS No.:1317-38-0) Màu sắc/ Colour: Đỏ; nâu / Red; Brown	01000/21CN02.WA 29/06/2022 29/06/2027 29/12/2024	CWA
65	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint INTERSMOOTH 7476Si SPC	CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM Địa chỉ: Lô E-1-CN, KCN Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Bình Dương AKZO NOBEL VIETNAM LTD Address: Lot E-1-CN, My Phuoc II Industrial Park, Mỹ Phuoc ward, Ben Cat town, Binh Duong	Kiểu/ Model: INTERSMOOTH 7476Si SPC Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper Oxide (CAS No.: 1317-39-1); Copper pyrithione (CAS No.:14915-37-8); Copper oxide (CAS No.:1317-38-0) Màu sắc/ Colour: Đỏ / Red	01000/21CN02.WA 29/06/2022 29/06/2027 29/12/2024	CWA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
66	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint INTERSMOOTH 7670HS SPC	CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM Địa chỉ: Lô E-1-CN, KCN Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Bình Dương AKZO NOBEL VIETNAM LTD Address: Lot E-1-CN, My Phuoc II Industrial Park, Mỹ Phuoc ward, Ben Cat town, Binh Duong	Kiểu/ Model: INTERSMOOTH 7670 SPC Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Zinc pyrithione (CAS No.: 0013463-41-7); 2-(p-chlorophenyl)-3-cyano-4-bromo-5-trifluoromethyl pyrrole (CAS No.: 0122454-29-9) Màu sắc/ Colour: Đỏ / Red	01000/21CN02.WA 29/06/2022 29/06/2027 29/12/2024	CWA
67	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint INTERCEPT 8500 LPP	CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM Địa chỉ: Lô E-1-CN, KCN Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Bình Dương AKZO NOBEL VIETNAM LTD Address: Lot E-1-CN, My Phuoc II Industrial Park, Mỹ Phuoc ward, Ben Cat town, Binh Duong	Kiểu/ Model: INTERCEPT 8500 LPP Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper Oxide (CAS No.: 1317-39-1); Copper oxide (CAS No.: 1317-38-0); Copper pyrithione (CAS No.14915-37-8) Màu sắc/ Colour: Đỏ; Nâu / Red; Brown	01000/21CN02.WA 29/06/2022 29/06/2027 29/12/2024	CWA
68	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint INTERSLEEK 1001	CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM Địa chỉ: Lô E-1-CN, KCN Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Bình Dương AKZO NOBEL VIETNAM LTD Address: Lot E-1-CN, My Phuoc II Industrial Park, Mỹ Phuoc ward, Ben Cat town, Binh Duong	Kiểu/ Model: INTERSLEEK 1001 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Màu sắc/ Colour: Đỏ / Red	01000/21CN02.WA 29/06/2022 29/06/2027 29/12/2024	CWA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
69	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint INTERSLEEK 1100 SR	CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM Địa chỉ: Lô E-1-CN, KCN Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Bình Dương AKZO NOBEL VIETNAM LTD Address: Lot E-1-CN, My Phuoc II Industrial Park, Mỹ Phuoc ward, Ben Cat town, Binh Duong	Kiểu/ Model: INTERSLEEK 1100 SR Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Màu sắc/ Colour: Đỏ / Red	01000/21CN02.WA 29/06/2022 29/06/2027 29/12/2024	CWA
70	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint INTERSLEEK 731	CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM Địa chỉ: Lô E-1-CN, KCN Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Bình Dương AKZO NOBEL VIETNAM LTD Address: Lot E-1-CN, My Phuoc II Industrial Park, Mỹ Phuoc ward, Ben Cat town, Binh Duong	Kiểu/ Model: INTERSLEEK 731 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Màu sắc/ Colour: Hồng nhạt / Light Pink	01000/21CN02.WA 29/06/2022 29/06/2027 29/12/2024	CWA
71	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint INTERSLEEK 737	CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM Địa chỉ: Lô E-1-CN, KCN Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Bình Dương AKZO NOBEL VIETNAM LTD Address: Lot E-1-CN, My Phuoc II Industrial Park, Mỹ Phuoc ward, Ben Cat town, Binh Duong	Kiểu/ Model: INTERSLEEK 737 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Màu sắc/ Colour: Hồng / Pink	01000/21CN02.WA 29/06/2022 29/06/2027 29/12/2024	CWA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
72	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint Sigma Sailadvance RX	PT. PPG Coatings Indonesia Địa chỉ: KAWASAN INDUSTRI PULOGADUNG JL RAWAGELAM III NO. 1, JAKARTA 13930, INDONESIA. PT. PPG Coatings Indonesia Address: KAWASAN INDUSTRI PULOGADUNG JL RAWAGELAM III NO. 1, JAKARTA 13930, INDONESIA.	Kiểu/ Model: Sigma Sailadvance RX Đặc tính của sản phẩm/ Product description: The Anti-fouling Paint, as TBT-free, Cybutryne-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper oxide (Cas No. 1317-39-1), Zinc oxide (Cas No. 1314-13-2) Zinneb (ISO) (Cas No. 12122-67-7), Copper oxide (Cas No. 1317-38-0), Zinc Ethylene Bis-dithiocarbonate (Cas No. 12122-67-7) Màu sắc/ Colour: Redbrown, Brown, Black	00706/23CN01.WA 18/09/2023 18/09/2028 18/03/2026	CWA
73	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint Sigma Ecofleet 290	PT. PPG Coatings Indonesia Địa chỉ: KAWASAN INDUSTRI PULOGADUNG JL RAWAGELAM III NO. 1, JAKARTA 13930, INDONESIA. PT. PPG Coatings Indonesia Address: KAWASAN INDUSTRI PULOGADUNG JL RAWAGELAM III NO. 1, JAKARTA 13930, INDONESIA.	Kiểu/ Model: Sigma Ecofleet 290 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: The Anti-Fouling Paint, as TBT-free, Cybutryne-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper oxide (Cas No. 1317-39-1), Zinc oxide (Cas No. 8050-09-7), Zineb (ISO) (Cas No. 12122-67-7), Copper oxide (Cas No. 1317-38-0), Zinc Ethylene Bis-dithiocarbonate (Cas No. 12122-67-7) Màu sắc/ Colour: Redbrown, Brown, Black	00706/23CN01.WA 18/09/2023 18/09/2028 18/03/2026	CWA
74	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint Sigma Ecofleet 530	PT. PPG Coatings Indonesia Địa chỉ: KAWASAN INDUSTRI PULOGADUNG JL RAWAGELAM III NO. 1, JAKARTA 13930, INDONESIA. PT. PPG Coatings Indonesia Address: KAWASAN INDUSTRI PULOGADUNG JL RAWAGELAM III NO. 1, JAKARTA 13930, INDONESIA.	Kiểu/ Model: Sigma Ecofleet 530 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: The Anti-fouling Paint, as TBT-free, Cybutryne-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper oxide (Cas No. 1317-39-1), Zinc oxide (Cas No. 1314-13-2), Copper oxide (Cas No. 1317-38-0), 4,5-Dichloro-2-octyl-2H-isothiazol-3-one (Cas No. 64359-81-5) Màu sắc/ Colour: Redbrown, Brown, Black	00706/23CN01.WA 18/09/2023 18/09/2028 18/03/2026	CWA

Số TT *No.*	Sản phẩm *Product*	Cơ sở chế tạo *Manufacturer*	Đặc tính *Spectifications*	Số GCN/ *Certificate No* Ngày cấp/ *Date of issue* Ngày hết hạn/ *Expiry Date* Ngày ĐGCK/ *Period Date*	Loại hình công nhận *Approval Mode*
75	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint ECOLOFLEX SPC 200	NIPPON PAINT MARINE COATING CO., LTD. Địa chỉ: 2-1-2, Oyodo Kita, Kita-Ku, Osaka, 531-8511, Japan NIPPON PAINT MARINE COATING CO., LTD. Address: 2-1-2, Oyodo Kita, Kita-Ku, Osaka, 531-8511, Japan	Kiểu/ Model: ECOLOFLEX SPC 200 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: The Anti-Fouling Paint, as TBT-free, Cybutryne-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper oxide (CAS No. 1317-39-1), Zinc oxide (CAS No. 1314-13-2), Bis (1-hydroxy-1h-pyridine-2-thionato-o,s)copper (CAS No. 14915-37-8), Cupprus oxide (CAS No. 1317-38-0) Màu sắc/ Colour: Brown Z, Light Brown Z, Light Brown K, Dark Brown K.	00711/23CN01.WA 20/09/2023 20/09/2028 20/03/2026	CWA
76	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint Hempel's Antifouling Olympic Protect 7195W	CÔNG TY TNHH HEMPEL VIỆT NAM Địa chỉ: Số 30 & 31, Đường số 7, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai HEMPEL VIET NAM CO.,LTD Address: No 30 & 31, Street 7, Long Thanh IZ, Tam An Ward, Long Thanh District, Dong Nai Province, Viet Nam	Kiểu/ Model: Hempel's Antifouling Olympic Protect 7195W Đặc tính của sản phẩm/ Product description: The Anti-Fouling Paint, as TBT-free, Cybutryne-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Copper (I) Oxide (Cas No. 1317-39-1); Zinc ethylene-1,2-bis-dithiocarbamate (zineb) (Cas No. 12122-67-7) Màu sắc/ Colour: Brownish red	00583/23CN01.WA 22/11/2023 22/11/2028 22/05/2026	CWA
77	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint Hempel's Antifouling Olympic Flex+ 7290W	CÔNG TY TNHH HEMPEL VIỆT NAM Địa chỉ: Số 30 & 31, Đường số 7, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai HEMPEL VIET NAM CO.,LTD Address: No 30 & 31, Street 7, Long Thanh IZ, Tam An Ward, Long Thanh District, Dong Nai Province, Viet Nam	Kiểu/ Model: Hempel's Antifouling Olympic Flex+ 7290W Đặc tính của sản phẩm/ Product description: The Anti-Fouling Paint, as TBT-free, Cybutryne-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Copper (I) Oxide (Cas No. 1317-39-1); Zinc ethylene-1,2-bis-dithiocarbamate (zineb) (Cas No. 12122-67-7) Màu sắc/ Colour: Brownish red	00583/23CN01.WA 22/11/2023 22/11/2028 22/05/2026	CWA

Số TT *No.*	Sản phẩm *Product*	Cơ sở chế tạo *Manufacturer*	Đặc tính *Spectifications*	Số GCN/ *Certificate No* Ngày cấp/ *Date of issue* Ngày hết hạn/ *Expiry Date* Ngày ĐGCK/ *Period Date*	Loại hình công nhận *Approval Mode*
78	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint Hempel's Antifouling Olympic Protect+ 7295W	CÔNG TY TNHH HEMPEL VIỆT NAM Địa chỉ: Số 30 & 31, Đường số 7, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai HEMPEL VIET NAM CO.,LTD Address: No 30 & 31, Street 7, Long Thanh IZ, Tam An Ward, Long Thanh District, Dong Nai Province, Viet Nam	Kiểu/ Model: Hempel's Antifouling Olympic Protect+ 7295W Đặc tính của sản phẩm/ Product description: The Anti-Fouling Paint, as TBT-free, Cybutryne-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Copper (I) Oxide (Cas No. 1317-39-1); Zinc ethylene-1,2-bis-dithiocarbamate (zineb) (Cas No. 12122-67-7) Màu sắc/ Colour: Brownish red	00583/23CN01.WA 22/11/2023 22/11/2028 22/05/2026	CWA
79	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint Hempel's Antifouling Oceanic Flex+ 7390W	CÔNG TY TNHH HEMPEL VIỆT NAM Địa chỉ: Số 30 & 31, Đường số 7, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai HEMPEL VIET NAM CO.,LTD Address: No 30 & 31, Street 7, Long Thanh IZ, Tam An Ward, Long Thanh District, Dong Nai Province, Viet Nam	Kiểu/ Model: Hempel's Antifouling Oceanic Flex+ 7390W Đặc tính của sản phẩm/ Product description: The Anti-Fouling Paint, as TBT-free, Cybutryne-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Copper (I) Oxide (Cas No. 1317-39-1); Zinc ethylene-1,2-bis-dithiocarbamate (zineb) (Cas No. 12122-67-7) Màu sắc/ Colour: Brownish red	00583/23CN01.WA 22/11/2023 22/11/2028 22/05/2026	CWA
80	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint Hempel's Antifouling Oceanic Protect+ 7395W	CÔNG TY TNHH HEMPEL VIỆT NAM Địa chỉ: Số 30 & 31, Đường số 7, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai HEMPEL VIET NAM CO.,LTD Address: No 30 & 31, Street 7, Long Thanh IZ, Tam An Ward, Long Thanh District, Dong Nai Province, Viet Nam	Kiểu/ Model: Hempel's Antifouling Oceanic Protect+ 7395W Đặc tính của sản phẩm/ Product description: The Anti-Fouling Paint, as TBT-free, Cybutryne-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Copper (I) Oxide (Cas No. 1317-39-1); Zinc ethylene-1,2-bis-dithiocarbamate (zineb) (Cas No. 12122-67-7) Màu sắc/ Colour: Brownish red	00583/23CN01.WA 22/11/2023 22/11/2028 22/05/2026	CWA

Số TT *No.*	Sản phẩm *Product*	Cơ sở chế tạo *Manufacturer*	Đặc tính *Spectifications*	Số GCN/ *Certificate No* Ngày cấp/ *Date of issue* Ngày hết hạn/ *Expiry Date* Ngày ĐGCK/ *Period Date*	Loại hình công nhận *Approval Mode*
81	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint Hempel's Antifouling Olympic Protect 7195W	Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Địa chỉ: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Address: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor	Kiểu/ Model: Hempel's Antifouling Olympic Protect 7195W Đặc tính của sản phẩm/ Product description: The Anti-Fouling Paint, as TBT-free, The Anti-Fouling Paint, as TBT-free, Cybutryne-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper Oxide (Cas No.: 1317-39-1); Zineb (Cas No.: 12122-67-7) Màu sắc/ Colour: Brownish-red	00538/24SG01.WA 28/05/2024 28/05/2029 28/11/2026	CWA
82	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint Hempel's Antifouling Olympic Protect+ 7295W	Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Địa chỉ: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Address: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor	Kiểu/ Model: Hempel's Antifouling Olympic Protect+ 7295W Đặc tính của sản phẩm/ Product description: The Anti-Fouling Paint, as TBT-free, Cybutryne-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper Oxide (Cas No.: 1317-39-1); Zineb (Cas No.: 12122-67-7) Màu sắc/ Colour: Brownish-red	00538/24SG01.WA 28/05/2024 28/05/2029 28/11/2026	CWA
83	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint Hempel's Antifouling Oceanic Protect+ 7395W	Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Địa chỉ: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Address: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor	Kiểu/ Model: Hempel's Antifouling Oceanic Protect+ 7395W Đặc tính của sản phẩm/ Product description: The Anti-Fouling Paint, as TBT-free, Cybutryne-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper Oxide (Cas No.: 1317-39-1); Zineb (Cas No.: 12122-67-7) Màu sắc/ Colour: Brownish-red	00538/24SG01.WA 28/05/2024 28/05/2029 28/11/2026	CWA
84	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint Hempel's Antifouling Globic 7000 78350	Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Địa chỉ: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Address: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor	Kiểu/ Model: Hempel's Antifouling Globic 7000 78350 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: The Anti-Fouling Paint, as TBT-free, Cybutryne-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper Oxide (Cas No.: 1317-39-1); Zineb (Cas No.: 12122-67-7); Copper Pyrithione (Cas No.: 14915-37-8) Màu sắc/ Colour: Brownish-red	00538/24SG01.WA 28/05/2024 28/05/2029 28/11/2026	CWA

Số TT *No.*	Sản phẩm *Product*	Cơ sở chế tạo *Manufacturer*	Đặc tính *Spectifications*	Số GCN/ *Certificate No* Ngày cấp/ *Date of issue* Ngày hết hạn/ *Expiry Date* Ngày ĐGCK/ *Period Date*	Loại hình công nhận *Approval Mode*
85	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint Hempel's Antifouling Globic 9000 78950	Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Địa chỉ: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Address: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor	Kiểu/ Model: Hempel's Antifouling Globic 9000 78950 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: The Anti-Fouling Paint, as TBT-free, Cybutryne-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper Oxide (Cas No.: 1317-39-1); Copper Pyrithione (Cas No.: 14915-37-8) Màu sắc/ Colour: Brownish-red	00538/24SG01.WA 28/05/2024 28/05/2029 28/11/2026	CWA
86	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint Hempel's Antifouling Dynamic 9000 79950	Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Địa chỉ: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Address: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor	Kiểu/ Model: Hempel's Antifouling Dynamic 9000 79950 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: The Anti-Fouling Paint, as TBT-free, Cybutryne-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper Oxide (Cas No.: 1317-39-1); Copper Pyrithione (Cas No.: 14915-37-8) Màu sắc/ Colour: Brownish-red	00538/24SG01.WA 28/05/2024 28/05/2029 28/11/2026	CWA
87	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint Hempel's Antifouling Globic 9000 78900	Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Địa chỉ: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Address: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor	Kiểu/ Model: Hempel's Antifouling Globic 9000 78900 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: The Anti-Fouling Paint, as TBT-free, Cybutryne-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper Oxide (Cas No.: 1317-39-1); Copper Pyrithione (Cas No.: 14915-37-8) Màu sắc/ Colour: Brownish-red	00538/24SG01.WA 28/05/2024 28/05/2029 28/11/2026	CWA
88	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint Hempel's Antifouling Olympic Flex+ 7290W	Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Địa chỉ: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Address: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor	Kiểu/ Model: Hempel's Antifouling Olympic Flex+ 7290W Đặc tính của sản phẩm/ Product description: The Anti-Fouling Paint, as TBT-free, Cybutryne-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper Oxide (Cas No.: 1317-39-1); Zineb (Cas No.: 12122-67-7) Màu sắc/ Colour: Brownish-red	00538/24SG01.WA 28/05/2024 28/05/2029 28/11/2026	CWA

Số TT *No.*	Sản phẩm *Product*	Cơ sở chế tạo *Manufacturer*	Đặc tính *Spectifications*	Số GCN/ *Certificate No* Ngày cấp/ *Date of issue* Ngày hết hạn/ *Expiry Date* Ngày ĐGCK/ *Period Date*	Loại hình công nhận *Approval Mode*
89	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint Hempel's Antifouling Oceanic Flex+ 7390W	Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Địa chỉ: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Address: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor	Kiểu/ Model: Hempel's Antifouling Oceanic Flex+ 7390W Đặc tính của sản phẩm/ Product description: The Anti-Fouling Paint, as TBT-free, Cybutryne-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper Oxide (Cas No.: 1317-39-1); Zineb (Cas No.: 12122-67-7) Màu sắc/ Colour: Brownish-red	00538/24SG01.WA 28/05/2024 28/05/2029 28/11/2026	CWA
90	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint Hempel's Antifouling Atlantic+ 73850	Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Địa chỉ: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Address: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor	Kiểu/ Model: Hempel's Antifouling Atlantic+ 73850 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: The Anti-Fouling Paint, as TBT-free, Cybutryne-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper Oxide (Cas No.: 1317-39-1); Zineb (Cas No.: 12122-67-7) Màu sắc/ Colour: Brownish-red	00538/24SG01.WA 28/05/2024 28/05/2029 28/11/2026	CWA
91	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint Hempel's Antifouling Globic 8000 78550	Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Địa chỉ: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Address: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor	Kiểu/ Model: Hempel's Antifouling Globic 8000 78550 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: The Anti-Fouling Paint, as TBT-free, Cybutryne-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper Oxide (Cas No.: 1317-39-1); Zineb (Cas No.: 12122-67-7); Copper Pyrithione (Cas No.: 14915-37-8) Màu sắc/ Colour: Brownish-red	00538/24SG01.WA 28/05/2024 28/05/2029 28/11/2026	CWA
92	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint Hempel's Antifouling Globic 9500M 78954	Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Địa chỉ: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Address: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor	Kiểu/ Model: Hempel's Antifouling Globic 9500M 78954 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: The Anti-Fouling Paint, as TBT-free, Cybutryne-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper Oxide (Cas No.: 1317-39-1); Zineb (Cas No.: 12122-67-7); Copper Pyrithione (Cas No: 14915-37-8); 4,5-Dichloro-2-N-Octyl -4-Isothiazolin-3-One (Cas No.: 64359-81-5) Màu sắc/ Colour: Brownish-red	00538/24SG01.WA 28/05/2024 28/05/2029 28/11/2026	CWA

Số TT *No.*	Sản phẩm *Product*	Cơ sở chế tạo *Manufacturer*	Đặc tính *Spectifications*	Số GCN/ *Certificate No* Ngày cấp/ *Date of issue* Ngày hết hạn/ *Expiry Date* Ngày ĐGCK/ *Period Date*	Loại hình công nhận *Approval Mode*
93	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint Hempel's Antifouling Sonic 79970	Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Địa chỉ: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Address: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor	Kiểu/ Model: Hempel's Antifouling Sonic 79970 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: The Anti-Fouling Paint, as TBT-free, Cybutryne-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper Oxide (Cas No.: 1317-39-1); Copper Pyrithione (Cas No.: 14915-37-8) Màu sắc/ Colour: Brownish-red	00538/24SG01.WA 28/05/2024 28/05/2029 28/11/2026	CWA
94	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint Hempaguard X7 89900	Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Địa chỉ: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor Hempel Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd Address: Batu 6, Jalan Batu Pahat, Kluang, Johor	Kiểu/ Model: Hempaguard X7 89900 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: The Anti-Fouling Paint, as TBT-free, Cybutryne-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Copper Pyrithione (Cas No.: 14915-37-8) Màu sắc/ Colour: Brownish-red	00538/24SG01.WA 28/05/2024 28/05/2029 28/11/2026	CWA
95	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint SEAQUANTUM ULTRA III	CÔNG TY TNHH SƠN JOTUN VIỆT NAM Địa chỉ: SỐ 1 ĐƯỜNG SỐ 10, KCN SÓNG THẦN 1, DĨ AN, BÌNH DƯƠNG JOTUN PAINTS VIETNAM CO.,LTD Address: NO. 1, STREET 10, SONG THAN 1 IZ, DI AN CITY, BINH DUONG PROVINCE, VIETNAM	Kiểu/ Model: SEAQUANTUM ULTRA III Đặc tính của sản phẩm/ Product description: The Anti-Fouling Paint, as TBT-free, Cybutryne-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Zinc Oxide (Cas No.:1314-13-2) ; Copper(I) Oxide (Cas No.:1317-39-1) Màu sắc/ Colour: Light red; Dark red	01069/24SG01.WA 03/06/2024 03/06/2029 03/12/2026	CWA
96	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint SEAFORCE SHIELD	CÔNG TY TNHH SƠN JOTUN VIỆT NAM Địa chỉ: SỐ 1 ĐƯỜNG SỐ 10, KCN SÓNG THẦN 1, DĨ AN, BÌNH DƯƠNG JOTUN PAINTS VIETNAM CO.,LTD Address: NO. 1, STREET 10, SONG THAN 1 IZ, DI AN CITY, BINH DUONG PROVINCE, VIETNAM	Kiểu/ Model: SEAFORCE SHIELD Đặc tính của sản phẩm/ Product description: The Anti-Fouling Paint, as TBT-free, Cybutryne-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Zineb (ISO) (Cas No.: 12122-67-7); Copper (I) Oxide (Cas No.: 1317-39-1) Màu sắc/ Colour: Light red, Dark red	01069/24SG01.WA 03/06/2024 03/06/2029 03/12/2026	CWA

Số TT *No.*	Sản phẩm *Product*	Cơ sở chế tạo *Manufacturer*	Đặc tính *Spectifications*	Số GCN/ *Certificate No* Ngày cấp/ *Date of issue* Ngày hết hạn/ *Expiry Date* Ngày ĐGCK/ *Period Date*	Loại hình công nhận *Approval Mode*
97	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint SEAFORCE ACTIVE	CÔNG TY TNHH SƠN JOTUN VIỆT NAM Địa chỉ: SỐ 1 ĐƯỜNG SỐ 10, KCN SÓNG THẦN 1, DĨ AN, BÌNH DƯƠNG JOTUN PAINTS VIETNAM CO.,LTD Address: NO. 1, STREET 10, SONG THAN 1 IZ, DI AN CITY, BINH DUONG PROVINCE, VIETNAM	Kiểu/ Model: SEAFORCE ACTIVE Đặc tính của sản phẩm/ Product description: The Anti-Fouling Paint, as TBT-free, Cybutryne-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Zineb (ISO) (Cas No.: 12122-67-7); Copper (I) Oxide (Cas No.: 1317-39-1) Màu sắc/ Colour: Light red, Dark red	01069/24SG01.WA 03/06/2024 03/06/2029 03/12/2026	CWA
98	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint SEAFORCE ACTIVE PLUS	CÔNG TY TNHH SƠN JOTUN VIỆT NAM Địa chỉ: SỐ 1 ĐƯỜNG SỐ 10, KCN SÓNG THẦN 1, DĨ AN, BÌNH DƯƠNG JOTUN PAINTS VIETNAM CO.,LTD Address: NO. 1, STREET 10, SONG THAN 1 IZ, DI AN CITY, BINH DUONG PROVINCE, VIETNAM	Kiểu/ Model: SEAFORCE ACTIVE PLUS Đặc tính của sản phẩm/ Product description: The Anti-Fouling Paint, as TBT-free, Cybutryne-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Zineb (ISO) (Cas No.: 12122-67-7); Copper (I) Oxide (Cas No.: 1317-39-1) Màu sắc/ Colour: Light red, Dark red	01069/24SG01.WA 03/06/2024 03/06/2029 03/12/2026	CWA
99	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint SP-99	CÔNG TY TNHH YUNG CHI PAINT & VARNISH MFG (VIET NAM) Địa chỉ: Lô 219, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai YUNG CHI PAINT & VARNISH MFG (VIETNAM) CO., LTD. Address: Lot 219, Amata Road, Long Binh IP, Bien Hoa City, Dong Nai Province	Kiểu/ Model: SP-99 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper Oxide (CAS No.:1317-39-1);Diuron (CAS No.: 330-54-1) Màu sắc/ Colour: Nâu; Nâu đỏ / Brown; Red Brown	00385/22CN01.WA 15/07/2022 15/07/2027 15/01/2025	CWA

Số TT *No.*	Sản phẩm *Product*	Cơ sở chế tạo *Manufacturer*	Đặc tính *Spectifications*	Số GCN/ *Certificate No* Ngày cấp/ *Date of issue* Ngày hết hạn/ *Expiry Date* Ngày ĐGCK/ *Period Date*	Loại hình công nhận *Approval Mode*
100	Sơn chống hà/ Anti-Fouling paint SP-120	CÔNG TY TNHH YUNG CHI PAINT & VARNISH MFG (VIET NAM) Địa chỉ: Lô 219, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai YUNG CHI PAINT & VARNISH MFG (VIETNAM) CO., LTD. Address: Lot 219, Amata Road, Long Binh IP, Bien Hoa City, Dong Nai Province	Kiểu/ Model: SP-120 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Sơn chống hà không chứa thiếc /The Anti-Fouling Paint, as TBT-free Hoạt chất công bố/ Chemical Abstract Service Registry: Dicopper Oxide (CAS No.:1317-39-1);Copper Pyrithione (14915-37-8) Màu sắc/ Colour: Nâu; Nâu đỏ / Brown; Red Brown	00385/22CN01.WA 15/07/2022 15/07/2027 15/01/2025	CWA
101	Hệ thống lớp phủ bảo vệ dùng cho két chứa nước biển chuyên dùng để dằn/ Protective Coating Systems - Seawater Ballast Tanks SIGMAWELD 165	PT. PPG Coatings Indonesia Địa chỉ: KAWASAN INDUSTRI PULOGADUNG JL RAWAGELAM III NO. 1, JAKARTA 13930, INDONESIA. PT. PPG Coatings Indonesia Address: KAWASAN INDUSTRI PULOGADUNG JL RAWAGELAM III NO. 1, JAKARTA 13930, INDONESIA.	Kiểu/ Model: SIGMAWELD 165 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Two-component epoxy based, grey coloured coatings for corrosion protection of steel surfaces Điều kiện bề mặt/ Surface preparation: Approved for application on blast cleaned surfaces and on prequalified shop primed surfaces. The following shop primer has been prequalified: SIGMAWELD 165	00764/21CN01.WA 05/09/2022 05/09/2027 05/03/2025	CWA
102	Hệ thống lớp phủ bảo vệ dùng cho két chứa nước biển chuyên dùng để dằn/ Protective Coating Systems - Seawater Ballast Tanks SIGMAPRIME 200	PT. PPG Coatings Indonesia Địa chỉ: KAWASAN INDUSTRI PULOGADUNG JL RAWAGELAM III NO. 1, JAKARTA 13930, INDONESIA. PT. PPG Coatings Indonesia Address: KAWASAN INDUSTRI PULOGADUNG JL RAWAGELAM III NO. 1, JAKARTA 13930, INDONESIA.	Kiểu/ Model: SIGMAPRIME 200 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Two-component epoxy based, yellow/green coloured coatings for corrosion protection of steel surfaces Điều kiện bề mặt/ Surface preparation: Approved for application on blast cleaned surfaces and on prequalified shop primed surfaces. The following shop primer has been prequalified: SIGMAPRIME	00764/21CN01.WA 05/09/2022 05/09/2027 05/03/2025	CWA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
103	Hệ thống lớp phủ bảo vệ dùng cho két chứa nước biển chuyên dùng để dằn/ Protective Coating Systems - Seawater Ballast Tanks SIGMACOVER 380	PT. PPG Coatings Indonesia Địa chỉ: KAWASAN INDUSTRI PULOGADUNG JL RAWAGELAM III NO. 1, JAKARTA 13930, INDONESIA. PT. PPG Coatings Indonesia Address: KAWASAN INDUSTRI PULOGADUNG JL RAWAGELAM III NO. 1, JAKARTA 13930, INDONESIA.	Kiểu/ Model: SIGMACOVER 380 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Two-component epoxy based, grey/green/yellow coloured coatings for corrosion protection of steel surfaces Điều kiện bề mặt/ Surface preparation: Approved for application on blast cleaned surfaces and on prequalified shop primed surfaces. The following shop primer has been prequalified: SIGMACOVER 380	00764/21CN01.WA 05/09/2022 05/09/2027 05/03/2025	CWA
104	Hệ thống lớp phủ bảo vệ dùng cho két chứa nước biển chuyên dùng để dằn/ Protective Coating Systems - Seawater Ballast Tanks Jotacote Universal N10	CÔNG TY TNHH SƠN JOTUN VIỆT NAM Địa chỉ: SỐ 1 ĐƯỜNG SỐ 10, KCN SÓNG THẦN 1, DĨ AN, BÌNH DƯƠNG JOTUN PAINTS VIETNAM CO.,LTD Address: NO. 1, STREET 10, SONG THAN 1 IZ, DI AN CITY, BINH DUONG PROVINCE, VIETNAM	Kiểu/ Model: Jotacote Universal N10 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Two-component epoxy based, light coloured, coating for corrosion protection of steel surfaces Điều kiện bề mặt/ Surface preparation: Approved for application on blast cleaned surfaces and on shop primed surfaces. The following shop primers are prequalified: Muki Z 2001 shop primer. Surface preparation and coating application as per PSPC or manufacturer's recommendations, whichever is stricter.	01050/22CN01.WA 25/04/2023 25/04/2028 25/10/2025	CWA
105	Hệ thống lớp phủ bảo vệ dùng cho két chứa nước biển chuyên dùng để dằn/ Protective Coating Systems - Seawater Ballast Tanks INTERSHIELD 300	CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM Địa chỉ: Lô E-1-CN, KCN Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Bình Dương AKZO NOBEL VIETNAM LTD Address: Lot E-1-CN, My Phuoc II Industrial Park, Mỹ Phuoc ward, Ben Cat town, Binh Duong	Kiểu/ Model: INTERSHIELD 300 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Two-component epoxy based, light coloured, aluminium containing coating for corrosion protection of steel surfaces Điều kiện bề mặt/ Surface preparation: Approved for application on blast cleaned surfaces and on prequalified shop primed surfaces. The following shop primer has been prequalified: INTERPLATE 855 shop primer	01000/21CN01.WA 29/06/2022 29/06/2027 29/12/2024	CWA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
106	Hệ thống lớp phủ bảo vệ dùng cho két chứa nước biển chuyên dùng để dằn/ Protective Coating Systems - Seawater Ballast Tanks INTERGARD 5600	CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM Địa chỉ: Lô E-1-CN, KCN Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Bình Dương AKZO NOBEL VIETNAM LTD Address: Lot E-1-CN, My Phuoc II Industrial Park, Mỹ Phuoc ward, Ben Cat town, Binh Duong	Kiểu/ Model: INTERGARD 5600 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Two-component epoxy based, light colorued coatings for corrosion protection of steel surfaces Điều kiện bề mặt/ Surface preparation: Approved for application on blast cleaned surfaces and on prequalified shop primed surfaces. The following shop primer has been prequalified: INTERPLATE 855 shop primer	01000/21CN01.WA 29/06/2022 29/06/2027 29/12/2024	CWA
107	Hệ thống lớp phủ bảo vệ dùng cho két chứa nước biển chuyên dùng để dằn/ Protective Coating Systems - Seawater Ballast Tanks INTERGARD 7600	CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM Địa chỉ: Lô E-1-CN, KCN Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Bình Dương AKZO NOBEL VIETNAM LTD Address: Lot E-1-CN, My Phuoc II Industrial Park, Mỹ Phuoc ward, Ben Cat town, Binh Duong	Kiểu/ Model: INTERGARD 7600 Đặc tính của sản phẩm/ Product description: Two-component epoxy based, light colorued coatings for corrosion protection of steel surfaces Điều kiện bề mặt/ Surface preparation: Approved for application on blast cleaned surfaces and on prequalified shop primed surfaces. The following shop primer has been prequalified: INTERPLATE 855 shop primer	01000/21CN01.WA 29/06/2022 29/06/2027 29/12/2024	CWA